

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3436 /STC-QLNS

Đồng Nai, ngày 23 tháng 7 năm 2019

Về việc hướng dẫn xây dựng dự
toán ngân sách nhà nước năm 2020
và kế hoạch tài chính – ngân sách
nhà nước 03 năm 2020-2022.

Kính gửi:

- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể khối Tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa;
- Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016 ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 38/2019/TT-BTC ngày 28/06/2019 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2020-2022; kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn 2021-2025.

Sở Tài chính đề nghị các đơn vị nghiên cứu, các văn bản trên. Đồng thời, hướng dẫn một số nội dung về xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2020-2022, cụ thể như sau:

PHẦN I

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

I. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN:

1. Đối với các đơn vị dự toán khối tỉnh:

Căn cứ các nội dung đánh giá quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư 38/2019/TT-BTC thực hiện đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN năm 2019. Trong đó lưu ý các nội dung cụ thể như sau:

- Vướng mắc, khó khăn phát sinh và kiến nghị giải pháp về cơ chế chính sách, về công nghệ quản lý, về tổ chức phối hợp trong quá trình triển khai, thực hiện.

- Đánh giá tình hình thu phí và lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí, Luật Xử phạt vi phạm hành chính và các văn bản pháp luật có liên quan, trong đó:

- + Dự kiến số phát sinh thu phí, lệ phí theo quy định trong năm 2019;

- + Số thu phí được để lại, số thu phí nộp NSNN và kết quả thực hiện số thu phí được để lại với số đã thực hiện chi trong năm ngân sách.

Ngoài ra, đối với cơ quan, quản lý hành chính nhà nước, đề nghị báo cáo số phí được để lại chi (chi tiết số sử dụng cho chi thường xuyên và chi cho các chương trình, dự án đầu tư theo quy định); số còn dư đến hết năm 2019 (nếu có).

- + Thu xử phạt vi phạm hành chính, thu phạt, tịch thu và các khoản nộp NSNN khác 6 tháng đầu năm và ước cả năm 2019.

- Đánh giá các khoản thu học phí, giá dịch vụ y tế và các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công (không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí).

2. Đối với UBND các huyện, thành phố thuộc tỉnh:

Căn cứ kết quả thu NSNN 6 tháng đầu năm, dự báo tình hình sản xuất - kinh doanh, diễn biến giá cả thị trường 6 tháng các địa phương thực hiện rà soát, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến thu NSNN, kiến nghị các giải pháp điều hành nhằm phấn đấu hoàn thành vượt mức dự toán thu NSNN năm 2019 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh giao, HĐND cấp huyện quyết định. Việc đánh giá tình hình thực hiện thu NSNN (gồm cả phần Cục thuế thu các doanh nghiệp trên địa bàn huyện hưởng) tập trung vào một số nội dung sau:

- Đánh giá, phân tích nguyên nhân tác động tăng, giảm thu NSNN năm 2019, chú ý làm rõ:

- + Thuận lợi, khó khăn trong hoạt động sản xuất - kinh doanh và xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế; khả năng triển khai các dự án đầu tư mới, đầu tư mở rộng; các dự án đã hết thời gian ưu đãi thuế; sản lượng sản xuất và tiêu thụ, giá bán, lợi nhuận của các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ chủ yếu trên

địa bàn; tốc độ tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng; diễn biến thị trường;

+ Tác động của biến động giá dầu thô, giá hàng hóa nông sản trên thị trường thế giới và trong nước, tác động của việc thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế, việc triển khai Nghị quyết số 35-NQ/CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP, Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2015 về Chính phủ điện tử, Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025, các chính sách tiền tệ, tín dụng, thương mại, đầu tư, chính sách giá, cải cách thủ tục hành chính và các yếu tố khác đến nền kinh tế và kết quả thu NSNN trong 6 tháng đầu năm.

- Đánh giá tình hình triển khai các quy định về điều chỉnh chính sách thu, trong đó bao gồm:

+ Điều chỉnh biểu thuế bảo vệ môi trường theo Nghị quyết số 579/2018/UBTVQH14 ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

+ Điều chỉnh thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) theo lộ trình đối với sản phẩm thuốc lá, bia, rượu theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TTĐB, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng (GTGT), Luật Thuế TTĐB và Luật Quản lý thuế;

+ Nghị định số 20/2019/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 về lệ phí trước bạ;

+ Nghị định số 14/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt;

+ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

+ Sắp xếp lại, xử lý tài sản công và quản lý, sử dụng số tiền thu được từ bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ (Nghị định số 167/2017/NĐ-CP);

+ Các văn bản, chính sách, chế độ thu thuế, phí, lệ phí khác tác động đến việc thực hiện nhiệm vụ thu NSNN năm 2019.

+ Đánh giá tình hình, kết quả thực hiện các biện pháp về quản lý thu NSNN theo Nghị quyết số 01/NQ-CP; kết quả thanh tra, kiểm tra và xử lý thu hồi nợ đọng thuế:

- Rà soát, xác định số nợ thuế đến ngày 31 tháng 12 năm 2018; việc triển khai báo cáo Quốc hội phương án xử lý nợ đọng thuế theo Nghị quyết số 55/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội về hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XIV; việc triển khai thực hiện công tác đôn đốc, cưỡng chế thu hồi nợ đọng thuế, xóa nợ thuế trong 6 tháng đầu năm 2019 (so với chỉ tiêu, kế hoạch được giao - nếu có); đánh giá dự kiến số nợ thuế đến ngày 31 tháng 12 năm 2019.

- Kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, thanh tra, quyết định truy thu của cơ quan thuế các cấp trong việc thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra chấp hành pháp luật thuế.

- Vướng mắc, khó khăn phát sinh và kiến nghị giải pháp về cơ chế chính sách, về công nghệ quản lý, về tổ chức phối hợp trong quá trình triển khai, thực hiện.

- Đánh giá tình hình thu ngân sách từ đất đai (thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất) theo pháp luật về đất đai và thu ngân sách từ xử lý, sắp xếp nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP và quy định pháp luật khác có liên quan.

- Báo cáo kết quả phối hợp giữa Cục thuế, các cơ quan cấp tỉnh và các địa phương trong công tác quản lý, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về thu NSNN, bán đấu giá tài sản Nhà nước, đấu giá quyền sử dụng đất và tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra, đôn đốc thu hồi nợ thuế, chống thất thu, chống chuyển giá; tồn tại, vướng mắc và giải pháp khắc phục.

- Đánh giá tình hình thu phí và lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí, Luật Xử phạt vi phạm hành chính và các văn bản pháp luật có liên quan, trong đó:

+ Dự kiến số phát sinh thu phí, lệ phí theo quy định trong năm 2019;

+ Số thu phí được để lại, số thu phí nộp NSNN và kết quả thực hiện số thu phí được để lại với số đã thực hiện chi trong năm ngân sách.

Ngoài ra, đối với cơ quan, quản lý hành chính nhà nước, đề nghị báo cáo số phí được để lại chi (chi tiết số sử dụng cho chi thường xuyên và chi cho các chương trình, dự án đầu tư theo quy định); số còn dư đến hết năm 2019 (nếu có).

+ Thu xử phạt vi phạm hành chính, thu phạt, tịch thu và các khoản nộp NSNN khác 6 tháng đầu năm và ước cả năm 2019.

- Đánh giá các khoản thu học phí và các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công (không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí).

Lưu ý : Không hạch toán vào NSNN các khoản thu phí đã chuyển sang giá dịch vụ theo quy định của Luật Phí và lệ phí, các khoản được khấu trừ đối với cơ quan nhà nước hoặc khoản trích lại phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước thực hiện.

II. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi:

a) Đánh giá nhiệm vụ chi đầu tư phát triển; tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu và chương trình, dự án khác sử dụng nguồn vốn ngoài nước.

Các đơn vị thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

b) Đánh giá thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên.

Đề nghị UBND các huyện, thành phố thuộc tỉnh và các đơn vị dự toán cấp 1 thực hiện đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên tập trung vào các nội dung sau:

- Đánh giá tình hình triển khai phân bổ, giao dự toán và thực hiện dự toán NSNN 6 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2019 theo từng lĩnh vực chi, nội dung chi được giao. Trong đó, tập trung vào các nhiệm vụ chi đã có dự toán đến nay chưa chi được hoặc giải ngân thấp.

- Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, các chương trình, dự án lớn; những khó khăn, vướng mắc và đề xuất biện pháp xử lý về cơ chế, chính sách trong tổ chức thực hiện, cụ thể:

+ Đối với các chế độ, chính sách: Đánh giá tổng thể toàn bộ các chính sách, chế độ; rà soát, kiến nghị bổ sung, sửa đổi các chính sách, chế độ không phù hợp với thực tế.

+ Thực hiện tinh giản biên chế, đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy, trong đó chi tiết: Số giảm biên chế, giảm đầu mối tổ chức bộ máy, số kinh phí tiết kiệm được các năm sau.

- Đánh giá việc thực hiện đổi mới khu vực sự nghiệp công:

+ Kết quả sắp xếp, đổi mới hệ thống và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị Trung ương 6 Ban chấp hành Trung ương Khóa XII (Nghị quyết số 19-NQ/TW), Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công (Nghị định số 16/2015/NĐ-CP) và các Nghị định của Chính phủ về cơ chế tự chủ trong các lĩnh vực sự nghiệp cụ thể trong 6 tháng đầu năm, ước cả

năm và tổng hợp lũy kế tình hình thực hiện đến hết năm 2019 chi tiết theo từng mục tiêu, từng năm (báo cáo số lượng, tỷ lệ đơn vị được phân loại theo mức độ tự chủ từng năm; số lượng và tỷ lệ biên chế của khu vực sự nghiệp theo từng mức độ tự chủ từng năm; số lượng giảm và tỷ lệ giảm biên chế hưởng lương từ ngân sách từng năm của từng lĩnh vực).

+ Đánh giá tác động của việc sắp xếp, đổi mới, nâng cao khả năng tự chủ đến NSNN theo từng lĩnh vực, từng năm (số kinh phí dành ra và việc sử dụng).

+ Đánh giá việc giảm chi hỗ trợ từ NSNN đối với khối các đơn vị sự nghiệp công lập theo lộ trình điều chỉnh giá, phí dịch vụ và việc sử dụng số kinh phí dành ra, chi tiết từng năm; các khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

- Đánh giá tình hình đảm bảo kinh phí thực hiện điều chỉnh tiền lương, các cơ quan cấp tỉnh báo cáo về:

+ Biên chế, quỹ lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ quy định. Trong đó, đề nghị ghi chú:

Phần quỹ lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp, khoản đóng góp theo lương của các cơ quan, đơn vị theo quy định bảo đảm từ nguồn chi quản lý bộ máy hoặc từ nguồn khoán chi.

Phần quỹ lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp, khoản đóng góp theo lương của các đối tượng có hệ số lương, ngạch bậc từ 1,86 trở xuống.

+ Nhu cầu kinh phí thực hiện điều chỉnh tiền lương theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

+ Nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện điều chỉnh tiền lương năm 2019 (nếu có), trong đó làm rõ:

Nguồn kinh phí thực hiện điều chỉnh tiền lương chưa sử dụng hết năm 2018 chuyển sang năm 2019 (nếu có);

Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ, phù hợp với lộ trình kết cấu chi phí vào giá, phí dịch vụ sự nghiệp công. Phạm vi trích số thu được để lại thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về nhu cầu và nguồn cải cách tiền lương năm 2019;

Nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên dự toán năm 2019 tăng thêm so với dự toán năm 2018 (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ);

Nguồn chưa sử dụng hết năm 2019 chuyển sang năm 2020 thực hiện điều chỉnh lương cơ sở (nếu có).

PHẦN THỨ HAI

XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2020

A. ĐỐI VỚI CÁC ĐƠN VỊ DỰ TOÁN KHỐI TỈNH:

I. Xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước:

- Đối với các khoản thu phí, lệ phí nộp NSNN và để lại chi theo quy định, ước số thu phí, lệ phí thực hiện năm 2019, dự kiến những yếu tố tác động đến số thu năm 2020 để xây dựng dự toán thu phù hợp, tích cực, cụ thể theo từng khoản thu phí, lệ phí (chi tiết tổng số thu, số được để lại chi theo chế độ đối với từng lĩnh vực chi tương ứng, số nộp NSNN theo quy định). Riêng các cơ quan quản lý hành chính nhà nước dự kiến số phí được để lại chi theo quy định (chi tiết dự kiến việc sử dụng cho chi thường xuyên theo quy định, chi cho các chương trình, dự án đầu tư đã được phê duyệt - nếu có, theo phân kỳ năm 2020 và tiến độ triển khai thực tế).

- Đối với khoản thu học phí, giá dịch vụ y tế và các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công (không thuộc danh mục phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí), không là chỉ tiêu giao dự toán thu, chi NSNN cho các cơ quan, nhưng phải lập dự toán riêng và xây dựng phương án sử dụng gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định. Tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn từ nguồn thu này và các khoản thu khác được để lại chi để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

II. Xây dựng dự toán chi thường xuyên:

Đảm bảo đúng chính sách, chế độ, định mức chi NSNN, đảm bảo đúng tính chất nguồn kinh phí, đáp ứng các nhiệm vụ chính trị quan trọng, thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ Nhà nước đã ban hành, triệt để tiết kiệm. Trong đó lưu ý:

- Dự toán chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản phải căn cứ quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước hiện hành; hạn chế mua sắm xe ô tô công và trang thiết bị đắt tiền, thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô công theo quy định; hạn chế tối đa tổ chức hội nghị, lễ hội, hội thảo, khánh tiết, công tác nước ngoài; tiếp tục cơ cấu lại NSNN, đồng thời dành nguồn để thực hiện lộ trình cải cách chính sách tiền lương và bảo hiểm xã hội theo Nghị quyết số 27-NQ/TW và Nghị quyết số 28-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 (Khóa XII).

- Việc xây dựng dự toán kinh phí sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất cần thực hiện theo hướng dẫn quy định tại Thông tư số 92/2017/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính.

- Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ kiểm tra, kiểm nghiệm, xử lý tiêu hủy thực phẩm không an toàn, kinh phí thanh tra, phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả trong lĩnh vực vệ sinh an toàn thực phẩm cần chú ý xây dựng kinh phí đảm bảo cho các hoạt động này và kinh phí khen thưởng cho các tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác quản lý, tham gia đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Dự toán chi hoạt động năm 2020 của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể xây dựng gắn với mục tiêu sắp xếp lại tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế năm 2020. Thuyết minh rõ các nội dung sau:

+ Số biên chế được giao năm 2020 (trường hợp chưa được giao biên chế, thì xác định bằng số được cơ quan có thẩm quyền giao năm 2019 trừ đi (-) số biên chế phải tinh giản năm 2020 theo mức giảm tối thiểu/năm đối với từng khối cơ quan, đơn vị quy định tại Kết luận số 17-KL/TW (hoặc theo Đề án tinh giản biên chế được cấp có thẩm quyền phê duyệt), trong đó làm rõ số biên chế thực có mặt đến thời điểm lập dự toán, số biên chế chưa tuyển theo chỉ tiêu được duyệt năm 2019.

+ Xác định Quỹ lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ quy định theo mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng/tháng (tính đủ 12 tháng) do NSNN đảm bảo, bao gồm: (i) Quỹ tiền lương của số biên chế thực có mặt tính đến thời điểm lập dự toán (trong phạm vi biên chế được duyệt), được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ; phụ cấp lương và các khoản đóng góp theo chế độ; (ii) Giảm quỹ tiền lương gắn với tinh giản biên chế.

+ Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán các khoản chi đặc thù (cơ sở pháp lý, nội dung chi, mức chi, các nội dung liên quan khác) năm 2020 trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

+ Xây dựng kinh phí tổ chức Đại hội Đảng các cấp.

- Dự toán chi trật tự an toàn giao thông: Công an tỉnh thực hiện việc lập dự toán gửi về Sở Tài chính theo quy định tại Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02/01/2018 của Bộ Tài chính về quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông, Thông tư số 28/2019/TT-BTC ngày 21/05/2019 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 01/2018/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm TTATGT.

- Kinh phí phòng dịch hằng năm: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng dự toán chi phí phòng dịch hằng năm gửi về Sở Tài chính để đánh nguồn, phân bổ theo quy định.

- Kinh phí thực hiện miễn thủy lợi phí: Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Đồng Nai phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện xây dựng dự toán miễn thủy lợi phí của tỉnh năm 2020

- Đối với các tổ chức chính trị, xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được ngân sách hỗ trợ kinh phí hoạt động, dự toán ngân sách năm 2020 được xác định căn cứ vào việc tăng, giảm nhiệm vụ được cấp thẩm quyền giao trong năm 2020.

- Dự toán chi hoạt động năm 2020 của các đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng trên cơ sở tiến độ đã thực hiện giai đoạn 2016-2019; mục tiêu, nhiệm vụ tinh giản biên chế của các tổ chức trong hệ thống chính trị theo Kết luận số 17-KL/TW; các mục tiêu về đổi mới đơn vị sự nghiệp công theo Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP; chi tiết việc triển khai từng mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể, mức giảm dự toán gắn với việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trong năm 2020.

- Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: Xây dựng dự toán chi trên cơ sở phê duyệt của cấp có thẩm quyền đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở, nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng, dịch vụ công sử dụng NSNN và nhiệm vụ khác. Đối với dự toán kinh phí hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp khoa học công nghệ công lập, xây dựng theo quy định tại Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán chi thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, chính sách ưu đãi đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; chính sách hỗ trợ đào tạo nghề theo thẻ; kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 9 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm.

- Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: Thuyết minh cụ thể cơ sở tính toán nhu cầu chi thực hiện các chương trình, đề án của ngành y tế đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; dự kiến số kinh phí giảm cấp chi thường xuyên của các đơn vị sự nghiệp y tế theo lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ y tế; nhu cầu NSNN hỗ trợ do giá, phí dịch vụ sự nghiệp công chưa kết cấu đủ chi phí tại các

đơn vị sự nghiệp y tế công lập tự bảo đảm một phần chi phí thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp y tế công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

- Chi các hoạt động kinh tế: Xây dựng trên cơ sở khối lượng nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao và chế độ, định mức chi ngân sách quy định; tập trung bố trí chi cho những nhiệm vụ quan trọng: duy tu bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kinh tế trọng yếu (giao thông, thủy lợi, đê điều và công trình phòng chống thiên tai) để tăng thời gian sử dụng và hiệu quả đầu tư; bảo đảm an toàn giao thông; tìm kiếm cứu nạn; nghiệp vụ dự trữ quốc gia; thực hiện nhiệm vụ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công. Xây dựng dự toán kinh phí Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các đơn vị sự nghiệp kinh tế công lập theo quy định của Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ và Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP, kinh phí thực hiện đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo quy định của Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ công sử dụng NSNN từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

- Các Sở, ngành bên cạnh việc lập dự toán thu, chi NSNN năm 2020 (phần đơn vị trực tiếp thực hiện), tính toán báo cáo nhu cầu kinh phí thực hiện các cơ chế, chính sách được cấp có thẩm quyền ban hành và có hiệu lực trong năm 2020, nhiệm vụ chi khác dự kiến trình làm tăng chi ngân sách trong năm 2020, kèm theo thuyết minh cụ thể căn cứ tính toán.

Ngoài ra đề nghị các đơn vị sau thực hiện đánh giá chi tiết các nội dung liên quan đến ngành, lĩnh vực. Cụ thể như sau:

- **Sở Nội vụ:** Đánh giá kết quả thực hiện tinh giản biên chế, đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy: Kết quả đạt được trong 6 tháng đầu năm, ước cả năm 2019 và tổng hợp lũy kế tình hình thực hiện đến hết năm 2019, chi tiết theo từng mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị Trung ương 6 Ban chấp hành Trung ương Khóa XII (Nghị quyết số 18-NQ/TW), Nghị quyết số 39- NQ/TW ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Ban Chấp hành Trung ương (Nghị quyết số 39-NQ/TW), Kết luận số 17-KL/TW ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Bộ Chính trị (Kết luận số 17-KL/TW) và các văn bản liên quan của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Dự kiến kế hoạch năm 2020.

- **Sở Y tế:** Đánh giá kết quả thực hiện, tác động thu ngân sách từ việc điều chỉnh giá, phí các dịch vụ sự nghiệp công theo lộ trình kết cấu đủ chi phí vào giá dịch vụ sự nghiệp công quy định tại Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP.

- **Sở Giáo dục và đào tạo:** Nhu cầu điều chỉnh, bổ sung tăng biên chế sự nghiệp giáo dục – đào tạo năm 2019, giai đoạn 2020 – 2022.

- **Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:** Chi tiết tình hình thực hiện hỗ trợ kinh phí chống hạn, hỗ trợ bão lũ, thiên tai, dịch bệnh, đặc biệt là tình hình thực hiện phòng, chống dịch tả lợn Châu Phi năm 2019, dự kiến năm 2020. Kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới năm 2019.

- **Sở Lao động, Thương binh và Xã hội:** Kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2019; Kinh phí thực hiện chuẩn nghèo đa chiều theo phê duyệt của cấp thẩm quyền và Nghị quyết của Chính phủ, chi tiết đối với từng loại chuẩn nghèo đa chiều, cụ thể số đối tượng, nhu cầu kinh phí phát sinh năm 2019, dự kiến năm 2020.

B. ĐỐI VỚI UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH:

Năm 2020 là năm cuối triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2016-2020 và các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu giai đoạn 05 năm giai đoạn 2016-2020; là năm quyết định việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2016-2020 đã đề ra của các cấp có thẩm quyền.

Xây dựng dự toán thu, chi NSDP năm 2020 phải bám sát mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia và địa phương năm 2020, các giai đoạn 2011-2020 và giai đoạn 2016-2020; kế hoạch tài chính 5 năm quốc gia, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020; phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thực hiện; chế độ, chính sách chi NSNN, bảo đảm đủ nguồn lực thực hiện các chế độ, chính sách do Trung ương đã ban hành và theo đúng quy định của Luật NSNN.

Các địa phương trên cơ sở đánh giá thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019, bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 và giai đoạn 2016-2020 của ngành, lĩnh vực và địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 để xác định nhiệm vụ trọng tâm thực hiện trong năm 2020, chủ động sắp xếp các khoản chi và thứ tự ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2020 trên cơ sở nguồn NSNN được phân bổ và các nguồn huy động hợp pháp khác.

Việc xây dựng dự toán thu, chi NSNN năm 2020 phải theo đúng các quy định của pháp luật về quản lý thu, chi ngân sách; trên cơ sở nguyên tắc, tiêu chí,

định mức phân bổ dự toán NSNN; quán triệt chủ trương triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu lập dự toán.

1. Xây dựng dự toán thu NSNN

Dự toán thu NSNN năm 2020 phải được xây dựng theo đúng chính sách, chế độ hiện hành, có tính đến khả năng điều chỉnh chính sách của năm kế hoạch, trên cơ sở đánh giá sát khả năng thực hiện thu NSNN năm 2019; đồng thời phân tích, dự báo tình hình kinh tế, tài chính thế giới và trong nước, đặc biệt là những nhân tố tác động, việc điều chỉnh tăng giá nguyên liệu đầu vào (xăng, dầu, điện,...) làm thay đổi tình hình sản xuất - kinh doanh, đầu tư, phát triển của doanh nghiệp và hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu năm 2020; tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách pháp luật về thu, các dự án hết thời gian ưu đãi và thực hiện lộ trình cắt giảm thuế để thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế; thực hiện các biện pháp cải cách hành chính, hiện đại hóa công tác quản lý thu; tăng cường thanh tra, kiểm tra, chống thất thu, quản lý chặt chẽ giá tính thuế, mở rộng triển khai hóa đơn điện tử; phát hiện và ngăn chặn các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, chuyển giá, trốn lậu thuế; tăng cường xử lý nợ đọng thuế.

Dự toán thu nội địa (không kể thu từ tiền sử dụng đất) năm 2020 bình quân tăng tối thiểu 10-12% so với đánh giá ước thực hiện năm 2019.

HĐND, UBND cấp huyện rà soát, lập dự toán thu NSNN tích cực, sát thực tế, tổng hợp đầy đủ các khoản thu mới phát sinh trên địa bàn để tính đúng, tính đủ nguồn thu, không dành dư địa để địa phương tự quy định giao chỉ tiêu phân đấu thu; lấy chỉ tiêu pháp lệnh thu NSNN do HĐND tỉnh giao làm căn cứ chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách trên địa bàn.

Các địa phương xây dựng dự toán thu nội địa năm 2020-ngoài việc phải đảm bảo các mục tiêu, yêu cầu nêu trên, phải tổng hợp đầy đủ các nguồn thu thuộc phạm vi thu NSNN phát sinh trên địa bàn (bao gồm cả số thu ngân sách ở xã, phường, thị trấn, các khoản thu thuế nhà thầu nước ngoài, nhà thầu trong nước khi thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn, các khoản thuế từ các dự án mới được đưa vào sản xuất kinh doanh); đồng thời loại trừ các khoản theo quy định không thuộc nguồn thu cân đối NSNN.

Dự toán thu NSNN năm 2020 phải được xây dựng trên cơ sở hệ thống dữ liệu đối tượng nộp thuế; đảm bảo tính đúng, đủ từng khoản thu, sắc thuế, lĩnh vực thu đối với từng địa bàn, chi tiết số thu từ các nhà máy mới đi vào hoạt động có số thu lớn theo các quy định hiện hành về thuế, phí, lệ phí và thu khác NSNN; các quy định điều chỉnh chính sách theo lộ trình tiếp tục ảnh hưởng tới

số thu NSNN năm 2020 và các quy định dự kiến sẽ được sửa đổi, bổ sung, áp dụng trong năm 2020.

Tổng hợp và phân cấp đúng quy định đối với khoản thu tiền thu cấp quyền khai thác tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước (bao gồm cả số phát sinh từ giấy phép do Trung ương cấp và giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp); tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước trung ương, địa phương xử lý.

Dự toán thu tiền sử dụng đất được xây dựng trên cơ sở kế hoạch đầu giá quyền sử dụng đất, phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai, có tính đến tình hình thực hiện của các năm trước.

Dự toán số thu sắp xếp lại, xử lý tài sản công (trong đó có nhà, đất), số thu từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng và số thu từ khai thác quỹ đất, mặt nước (sau khi trừ chi phí liên quan) của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp phải nộp NSNN và được ưu tiên bố trí trong dự toán chi NSNN cho mục đích ĐTPT theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn Luật.

Việc xây dựng dự toán thu phải gắn với việc tăng cường quản lý thu, đôn đốc, cưỡng chế thu hồi nợ thuế, thanh tra, kiểm tra, chống chuyển giá, chống buôn lậu, gian lận thương mại, kiểm tra, giám sát hoàn thuế GTGT, chống thất thu đối với doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ và các nguồn thu từ đôn đốc thực hiện kiến nghị của cơ quan kiểm toán, Thanh tra Chính phủ.

Đối với các khoản thu phí, lệ phí nộp NSNN và để lại chi theo quy định, các địa phương ước số thu phí, lệ phí thực hiện năm 2019, dự kiến những yếu tố tác động đến số thu năm 2020 để xây dựng dự toán thu phù hợp, tích cực, cụ thể theo từng khoản thu phí, lệ phí (chi tiết tổng số thu, số được để lại chi theo chế độ đối với từng lĩnh vực chi tương ứng, số nộp NSNN theo quy định).

Riêng các cơ quan quản lý hành chính nhà nước dự kiến số phí được để lại chi theo quy định (chi tiết dự kiến việc sử dụng cho chi thường xuyên theo quy định, chỉ cho các chương trình, dự án đầu tư đã được phê duyệt - nếu có, theo phân kỳ năm 2020 và tiến độ triển khai thực tế).

Đối với khoản thu học phí và các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công (không thuộc danh mục phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí), không là chỉ tiêu giao dự toán thu, chi NSNN cho các cơ quan địa phương, nhưng phải lập dự toán riêng và xây dựng phương án sử dụng gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy

định. Các cơ quan địa phương tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn từ nguồn thu này và các khoản thu khác được để lại chi để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

2. Xây dựng dự toán chi NSNN

Xây dựng dự toán chi NSDP trên cơ sở nguồn thu NSDP được hưởng theo phân cấp, tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa NSTW và NSDP, số bổ sung cân đối từ NS tỉnh cho NSDP được giao năm 2019; mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội các giai đoạn 2011-2020 và giai đoạn 2016-2020 và mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 của địa phương; ước thực hiện các nhiệm vụ thu - chi ngân sách của địa phương năm 2019, xây dựng dự toán chi NSDP chi tiết từng lĩnh vực chi theo quy định của Luật NSNN, đảm bảo ưu tiên bố trí đủ dự toán nhu cầu kinh phí thực hiện các dự án, nhiệm vụ đã cam kết, chế độ chính sách đã ban hành;

a) Xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển; xây dựng dự toán chi các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu; xây dựng dự toán đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn ODA (bao gồm vốn vay và viện trợ), nguồn vốn vay ưu đãi và viện trợ phi chính phủ nước ngoài

Các đơn vị thực hiện theo hướng dẫn của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

b) Xây dựng dự toán chi thường xuyên.

Căn cứ nhiệm vụ chính trị, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 và số kiểm tra dự toán thu, chi ngân sách năm 2020, các địa phương xây dựng dự toán chi thường xuyên cho từng lĩnh vực chi theo mục tiêu, nhiệm vụ được giao năm 2020, đảm bảo đúng chính sách, chế độ, định mức chi NSNN, đảm bảo đúng tính chất nguồn kinh phí, đáp ứng các nhiệm vụ chính trị quan trọng, thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ Nhà nước đã ban hành, triệt để tiết kiệm.

Dự toán chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản phải căn cứ quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước hiện hành; hạn chế mua sắm xe ô tô công và trang thiết bị đắt tiền, thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô công theo quy định; hạn chế tối đa tổ chức hội nghị, lễ hội, hội thảo, khánh tiết, công tác nước ngoài; tiếp tục cơ cấu lại NSNN, đồng thời dành nguồn để thực hiện lộ trình cải cách chính sách tiền lương và bảo hiểm xã hội theo Nghị quyết số 27-NQ/TW và Nghị quyết số 28-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 (Khóa XII).

Việc xây dựng dự toán kinh phí sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất cần thực hiện theo hướng dẫn quy định tại Thông tư số 92/2017/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính.

Dự toán chi hoạt động năm 2020 của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể xây dựng gắn với mục tiêu sắp xếp lại tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế. Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể: Thuyết minh rõ các nội dung sau:

- + Số biên chế được giao năm 2020 (trường hợp chưa được giao biên chế, thì xác định bằng số được cơ quan có thẩm quyền giao năm 2019 trừ đi (-) số biên chế phải tinh giản năm 2020 theo mức giảm tối thiểu/năm đối với từng khối cơ quan, đơn vị quy định tại Kết luận số 17-KL/TW (hoặc theo Đề án tinh giản biên chế được cấp có thẩm quyền phê duyệt), trong đó làm rõ số biên chế thực có mặt đến thời điểm lập dự toán, số biên chế chưa tuyển theo chỉ tiêu được duyệt năm 2019.

- + Xác định Quỹ lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ quy định theo mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng/tháng (tính đủ 12 tháng) do NSNN đảm bảo, bao gồm: (i) Quỹ tiền lương của số biên chế thực có mặt tính đến thời điểm lập dự toán (trong phạm vi biên chế được duyệt), được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ; phụ cấp lương và các khoản đóng góp theo chế độ; (ii) Giảm quỹ tiền lương gắn với tinh giản biên chế.

- + Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán các khoản chi đặc thù (cơ sở pháp lý, nội dung chi, mức chi, các nội dung liên quan khác) năm 2020 trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

Dự toán chi hoạt động năm 2020 của các đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng trên cơ sở tiến độ đã thực hiện giai đoạn 2016-2019; mục tiêu, nhiệm vụ tinh giản biên chế của các tổ chức trong hệ thống chính trị theo Kết luận số 17-KL/TW; các mục tiêu về đổi mới đơn vị sự nghiệp công theo Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP; chi tiết việc triển khai từng mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể, mức giảm dự toán gắn với việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trong năm 2020.

Một số lưu ý thêm khi xây dựng dự toán NSNN năm 2020:

- Các địa phương không tự cân đối báo cáo chi tiết nhu cầu, nguồn lực, kinh phí thừa, thiếu để thực hiện các chính sách mới, hoặc việc điều chỉnh tăng mức, mở rộng đối tượng thụ hưởng các chính sách hiện hành trong năm 2019 và nhu cầu năm 2020 theo quy định.

- Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: Ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã không thực hiện nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ. UBND các cấp huyện thực hiện phân bổ giao dự toán các dự án ứng dụng khoa học

công nghệ theo Báo cáo 944/BC-STC ngày 01/03/2017 của Sở Tài chính về báo cáo kết quả cuộc họp về phân cấp nhiệm vụ chi, kinh phí ngân sách cho sự nghiệp khoa học – công nghệ cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán chi thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, chính sách ưu đãi đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; chính sách hỗ trợ đào tạo nghề theo thẻ; kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 9 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm.

- Chi các hoạt động kinh tế: Xây dựng trên cơ sở khối lượng nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao và chế độ, định mức chi ngân sách quy định; tập trung bố trí chi cho những nhiệm vụ quan trọng: duy tu bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kinh tế trọng yếu (giao thông, thủy lợi, đê điều và công trình phòng chống thiên tai) để tăng thời gian sử dụng và hiệu quả đầu tư; bảo đảm an toàn giao thông; tìm kiếm cứu nạn; nghiệp vụ dự trữ quốc gia; thực hiện nhiệm vụ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công. Xây dựng dự toán kinh phí Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các đơn vị sự nghiệp kinh tế công lập theo quy định của Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ và Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP, kinh phí thực hiện đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo quy định của Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ công sử dụng NSNN từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

- Xây dựng kinh phí tổ chức Đại hội Đảng các cấp.

- Đối với các tổ chức chính trị, xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được ngân sách hỗ trợ kinh phí hoạt động, dự toán ngân sách năm 2020 được xác định căn cứ vào việc tăng, giảm nhiệm vụ được cấp thẩm quyền giao trong năm 2020.

- Đối với kinh phí diễn tập khu vực phòng thủ: Các địa phương căn cứ vào kế hoạch diễn tập khu vực phòng thủ được Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh phê duyệt, xây dựng dự toán chi NSNN chi tiết theo từng nhiệm vụ diễn tập cụ thể và chủ động sử dụng NSDP để thực hiện, NS tỉnh chỉ hỗ trợ cho các địa phương khó khăn.

- Đối với lập dự toán sự nghiệp giáo dục và đào tạo và dạy nghề:

Căn cứ khả năng ngân sách, số thu tại các cơ sở, UBND cấp huyện thực hiện lập dự toán khoán chi hoạt động cho các cấp học, trường học do mình quản lý trên địa bàn, ưu tiên các trường khó khăn. Định mức khoán chi bao gồm:

- + Chi thanh toán dịch vụ công cộng; chi phí vật tư văn phòng; thông tin, tuyên truyền, liên lạc; chi hội nghị; công tác phí; chi đoàn ra, đoàn vào; chi phí thuê mướn ...

- + Các khoản chi nghiệp vụ chuyên môn mang tính thường xuyên thực hiện tại đơn vị.

- + Chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên, sửa chữa nhỏ tài sản.

- + Chi hoạt động tổ chức Đảng chi hoạt động dân quân tự vệ, hoạt động Hội Cựu chiến binh trong cơ quan.

- + Chi dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập; hỗ trợ đối với giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên giáo dục mầm non theo Nghị quyết số 147/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014 của HĐND tỉnh về phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2015 - 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- + Chi khen thưởng do thủ trưởng cơ quan ban hành quyết định và các khoản chi hoạt động thường xuyên khác

- Thực hiện chế độ phụ cấp cho các thành viên Ban HĐND các cấp theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 12465/UBND-KT ngày 30/11/2017 về chi hỗ trợ trách nhiệm công việc kiêm nhiệm cho thành viên Ban Hội đồng nhân dân cấp xã.

- Đối với nguồn hỗ trợ có mục tiêu từ thuế tài nguyên thủy điện Trị An: UBND huyện Định Quán và Vĩnh Cửu trình lập dự toán theo quy định của Luật Đầu tư để thực hiện xây dựng nông thôn mới tại địa phương.

- Xây dựng dự toán chi hoàn trả nợ, tạm ứng.

3. Lập dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương năm 2020:

Các địa phương thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ); một phần nguồn thu được để lại theo chế độ của các cơ quan, đơn vị; nguồn tăng thu NSDP (không kể thu tiền sử dụng đất, thu từ hoạt động xổ số kiến thiết); phần kinh phí dành ra từ giảm chi hỗ trợ hoạt động thường xuyên trong lĩnh vực hành chính và hỗ trợ các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định; nguồn thực hiện cải cách tiền lương các năm trước còn dư - nếu có.

4. Lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế

Thực hiện việc lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2020 theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP, Nghị định số 26/2015/NĐ-CP, Nghị quyết số 120/2018/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

5. Bố trí dự phòng NSNN:

Ngân sách các cấp thực hiện bố trí dự phòng ngân sách theo đúng quy định của Luật NSNN để chủ động đối phó với thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh và thực hiện những nhiệm vụ quan trọng, cấp bách phát sinh ngoài dự toán.

PHẦN THỨ BA

XÂY DỰNG KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH – NGÂN SÁCH 03 NĂM 2020-2022 CỦA CÁC ĐƠN VỊ DỰ TOÁN CẤP I CỦA TỈNH

Việc lập kế hoạch tài chính – ngân sách 03 năm 2020 – 2022 của các đơn vị dự toán cấp I cấp tỉnh được Thực hiện quy định tại Luật NSNN, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm và Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 7 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm. Lưu ý :

- Dự kiến một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô giai đoạn 2020-2022 như sau: năm 2020 tăng trưởng phần đầu thực hiện đến mức cao nhất, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng bình quân cả giai đoạn 2016-2020 ở mức 6,6-7%; năm 2021-2022, phần đầu tốc độ tăng trưởng kinh tế ở mức 6,6-6,7%; chỉ số giá tiêu dùng ổn định ở mức dưới 4%/năm. Tăng mức lương cơ sở 8% năm.

- Đối với các khoản thu phí, lệ phí nộp ngân sách và để lại chi theo quy định, các cơ quan căn cứ số dự kiến thu năm 2020 để xây dựng kế hoạch thu năm 2021-2022 phù hợp, tích cực, cụ thể theo từng khoản thu phí, lệ phí theo quy định (số thu, số được để lại chi theo chế độ chi tiết các lĩnh vực chi tương ứng, số nộp NSNN) và chỉ tổng hợp vào dự toán thu NSNN phần phí, lệ phí nộp NSNN. Các cơ quan quản lý nhà nước dự kiến số phí được để lại theo cơ chế đặc thù, chi tiết việc sử dụng cho chi thường xuyên theo quy định, chi các chương trình, dự án đầu tư nguồn phí để lại chuyển tiếp từng năm 2021-2022.

- Đối với các khoản thu học phí, giá dịch vụ y tế, dịch vụ sự nghiệp công không thuộc danh mục phí và lệ phí, các khoản thu chuyển sang cơ chế giá dịch vụ không thuộc nguồn thu NSNN, các cơ quan lập kế hoạch thu và xây dựng

phương án sử dụng để gửi cơ quan có thẩm quyền giám sát và tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn từ khoản thu này để cải cách tiền lương theo quy định.

- Kế hoạch chi NSNN 03 năm 2020-2022 của các cơ quan được lập trên cơ sở cập nhật kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2019-2021, số ước thực hiện năm 2019, trần chi ngân sách giai đoạn 2020-2022 do cơ quan có thẩm quyền thông báo, dự toán năm 2020 được; trong đó thuyết minh cụ thể các mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án (kể cả chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu) đã hết thời gian thực hiện/mới được cấp thẩm quyền phê duyệt, đặc biệt lưu ý việc triển khai các Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 Khóa XII.

- Trong quá trình xây dựng dự toán chi NSNN năm 2020, các bộ, cơ quan trung ương và cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh đồng thời xác định chi tiết chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới của bộ, cơ quan, đơn vị mình năm dự toán 2020 theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính để làm căn cứ xác định chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới và tổng hợp nhu cầu chi ĐTPT, nhu cầu chi thường xuyên trong kế hoạch chi năm 2021-2022.

- Đối với các bộ quản lý ngành, lĩnh vực bên cạnh việc lập kế hoạch thu, chi NSNN từng năm của giai đoạn 2020-2022 (phần bộ trực tiếp thực hiện), cần tính toán xác định nhu cầu kinh phí thực hiện các cơ chế, chính sách, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền ban hành từng năm của giai đoạn 2020-2022, kèm theo thuyết minh cụ thể căn cứ tính toán.

- Đối với năm 2021-2022:

- + Việc lập kế hoạch chi ĐTPT căn cứ vào tiến độ thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ đầu tư chuyển tiếp/đã được phê duyệt chủ trương, quyết định đầu tư; gắn với việc thực hiện các mục tiêu chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực, các định hướng đổi mới, phát triển nền kinh tế theo các Nghị quyết của Hội nghị Trung ương Khóa XII.

- + Không lập kế hoạch chi cho các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu. Việc bổ sung kế hoạch chi cho các nhiệm vụ này sẽ được cập nhật sau khi cấp thẩm quyền có chủ trương, quyết định về triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu sau năm 2020.

- + Việc lập kế hoạch chi từ nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi, nguồn vốn viện trợ phi chính phủ nước ngoài tiếp tục theo các Hiệp định, thỏa thuận vay và cơ chế tài chính đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- + Lập kế hoạch chi thường xuyên năm 2021-2022:

Lập kế hoạch chi tiết việc triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách, chế độ còn hiệu lực/hết hiệu lực; các mục tiêu, nhiệm vụ, chế độ, chính sách mới đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Đối với Nghị quyết số 18-NQ/TW, trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra đến năm 2021, các mục tiêu tại Nghị quyết cho giai đoạn từ năm 2021-2025, các mục tiêu theo Đề án được phê duyệt - nếu có, dự kiến cụ thể việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về hoàn thiện tổ chức, bộ máy, về giảm biên chế trong từng năm 2021-2022 và các tác động kinh phí NSNN theo từng mục tiêu, nhiệm vụ (tiết kiệm chi NSNN do giảm đầu mối, giảm biên chế; tăng chi NSNN do thực hiện chính sách tinh giản biên chế).

Đối với Nghị quyết số 19-NQ/TW, trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra đến năm 2021, các mục tiêu tại Nghị quyết đến năm 2025, các mục tiêu theo Đề án được phê duyệt - nếu có, thực hiện lập dự toán tương tự dự toán năm 2020 quy định tại khoản 3, điều 11 Thông tư này, với mức giảm biên chế hàng năm theo Đề án được phê duyệt - nếu có, hoặc hàng năm giảm bình quân 2,5%, cộng thêm số chưa thực hiện được của giai đoạn trước năm 2021 (nếu có) số biên chế sự nghiệp hưởng lương từ NSNN.

PHẦN THỨ TƯ

BIỂU MẪU BÁO CÁO VÀ THỜI GIAN BÁO CÁO DỰ TOÁN NSNN

I. Biểu mẫu báo cáo và thời gian báo cáo:

1. Đối với các đơn vị khối tỉnh (Đơn vị dự toán cấp 1):

1.1 Biểu mẫu lập dự toán 2020 gồm:

- Các mẫu biểu từ số 05 đến biểu số 18 và từ biểu số 23 đến biểu số 27 quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính.

- Phụ lục 1- Tổng hợp dự toán chi NSNN khối tỉnh

- Phụ lục 2 – Tổng hợp dự toán thu NSNN khối tỉnh;

- Phụ lục 3 – Tổng hợp tình hình thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập;

Ngoài ra, đề nghị các đơn vị sau thực hiện báo cáo thêm các chỉ tiêu theo quy định của Bộ Tài chính, cụ thể:

+ Sở Lao động, thương binh và Xã hội: Chỉ tiêu số 11, 13 và 16 thuộc biểu số 28 kèm theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC.

+ Sở Giáo dục và Đào tạo: Chỉ tiêu số 14 thuộc biểu số 28 kèm theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC.

+ Sở Y tế: Chỉ tiêu số 15 thuộc biểu số 28 kèm theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC.

+ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Chỉ tiêu số 12, 17 và 19 thuộc biểu số 28 kèm theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC.

1.2 Biểu mẫu lập kế hoạch tài chính – ngân sách 03 năm:

- Các đơn vị thực hiện báo cáo theo các biểu mẫu quy định tại Thông tư 69/2017/TT-BTC, cụ thể các biểu: 13, 16, 17, 18 19.

Lưu ý:

Đề nghị các đơn vị dự toán khối tỉnh ngoài báo cáo gửi bằng đường văn bản, gửi file mềm về địa chỉ mail thuy21102002@yahoo.com;

2. Đối với UBND các huyện, thành phố trực thuộc tỉnh:

a) Đối với xây dựng dự toán báo cáo cơ quan tài chính cấp trên.

UBND cấp huyện lập các biểu mẫu số 12, 13, 14, 15, 16 và 17 quy định tại Nghị định 31/2017/NĐ-CP ngày 23/03/2017 và mẫu số 2, 3, 4, 5 quy định tại Thông tư 38/2019/TT-BTC báo cáo xây dựng dự toán gửi Sở Tài chính và Sở Kế hoạch & Đầu tư.

- Đề nghị UBND các huyện, thành phố ngoài báo cáo gửi bằng đường văn bản, gửi file mềm về địa chỉ mail duyphucstc@gmail.com để kịp thời tổng hợp.

b) Đối với việc dự toán trình HĐND.

UBND cấp huyện lập dự toán trình HĐND cùng cấp theo nội dung, quy định tại Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/03/2017 của Chính phủ.

II. Thời gian gửi báo cáo:

- Để việc tổng hợp dự toán năm 2020 đảm bảo thời gian theo quy định của Bộ Tài chính và có cơ sở để Sở Tài chính thực hiện thảo luận dự toán với các đơn vị và UBND các huyện, thành phố. Đề nghị các đơn vị lập và gửi báo cáo về Sở Tài chính trước ngày 10/08/2019. Riêng phần đánh giá thêm của các Sở Ngành đề nghị các đơn vị báo cáo riêng gửi về Sở Tài chính trước ngày 25/07/2019 để tổng hợp, xây dựng dự toán báo cáo Bộ Tài chính.

- Thời gian thảo luận dự toán năm 2020 đối với các đơn vị khối tỉnh và UBND các huyện, thành phố: dự kiến bắt đầu từ 15/08/2019, Sở Tài chính sẽ có lịch làm việc cụ thể đối với từng đơn vị.

- Thời gian dự toán trình HĐND các cấp thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 111/2018/NQ-HĐND ngày 06/07/2018 của HĐND tỉnh về quy định thời gian giao dự toán ngân sách địa phương; thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách cấp huyện, cấp xã; biểu mẫu và thời gian gửi báo cáo tài chính - ngân sách trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

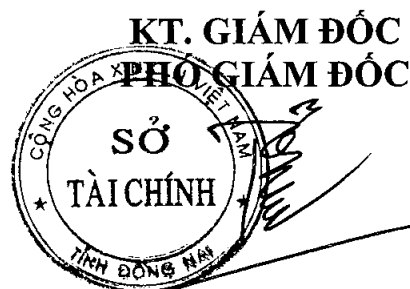
Các đơn vị truy cập địa chỉ: <http://stc.dongnai.gov.vn>, chuyên mục “Văn bản triển khai” để xem chi tiết nội dung và các biểu mẫu của Nghị định 31/2017/NĐ-CP, Thông tư số 342/2016/TT-BTC, Thông tư số 344/2016/TT-BTC, Thông tư số 38/2019/TT-BTC và của hướng dẫn này.

Sở Tài chính đề nghị các đơn vị nghiên cứu, thực hiện. / 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn Phòng Sở;
- Phòng HCSN (phối hợp);
- Phòng Tài chính doanh nghiệp;
- Ban giám đốc Sở;
- Lưu VT, QLNS

Phúc



Đặng Văn Tấn